

BÁO CÁO

Sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình hành động số 16-CTr/TU, ngày 19/7/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII)

Qua 05 năm thực hiện Chương trình hành động số 16-CTr/TU, ngày 19/7/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; Ban Thường vụ Huyện ủy đã xây dựng Chương trình số 25-CTr/HU ngày 12/10/2017 để triển khai thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Huyện ủy Krông Nô báo cáo kết quả qua 5 năm thực hiện như sau:

I- Kết quả thực hiện đối với một số chỉ tiêu chủ yếu

1- Giá trị sản xuất (Theo giá hiện hành) đến cuối năm 2022 đạt 10.908 tỷ đồng, tăng 1,7 lần so với năm 2017 (6.545,4 tỷ đồng) Trong đó: Nông, lâm nghiệp đạt 5.231 tỷ đồng, Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp - xây dựng đạt 2.691 tỷ đồng, Thương mại dịch vụ đạt 2.985 tỷ đồng.

2- Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 48,5% (giảm 7,2% so với năm 2017); Công nghiệp và xây dựng chiếm 23,8% (tăng 3,8% so với năm 2017); Thương mại và dịch vụ chiếm 27,7% (tăng 3,4% so với năm 2017).

3- Tổng mức bán buôn, bán lẻ hàng hoá - dịch vụ tiêu dùng đến cuối năm 2022 đạt 2.994,8 tỷ đồng, tăng 1.493,5 tỷ đồng so với năm 2017 (năm 2017 là 1.501,3 tỷ đồng).

4- Chỉ tiêu về nông nghiệp: Tổng diện tích gieo trồng đạt 62.352 ha, tăng 10.527 ha so với năm 2017 (năm 2017 là 51.825 ha); Tổng sản lượng lương thực đạt 147.833 tấn, tăng 26.550 tấn so với năm 2017 (năm 2017 là 121.283 tấn); Giá trị sản xuất trên 1ha canh tác đạt 87 triệu đồng, tăng 21 triệu đồng (năm 2017 là 66 triệu đồng); Đảm bảo nguồn nước tưới cho 72% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới, tăng 9% so với năm 2017.

5- Thu nhập bình quân đầu người đạt 54,37 triệu đồng/năm, tăng 14,503 triệu đồng so với năm 2017 (39,876 triệu đồng).

6- Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn năm 2022 đạt 136,2 tỷ đồng, tăng 16,9 tỷ đồng so với năm 2017 (119,257 tỷ đồng).

7- Chi ngân sách địa phương đạt 477,002 tỷ đồng, tăng 70,576 tỷ đồng so với năm 2017.

8- Tổng vốn đầu tư phát triển từ NSNN trên địa bàn là 121,236 tỷ đồng, giảm 5,569 tỷ đồng so với năm 2017 (năm 2017 là 126,805 tỷ đồng).

9- Đến hết năm 2022, toàn huyện có 224 doanh nghiệp (thêm 128 doanh nghiệp so với năm 2017, giải thể 69 doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả), có 27 hợp tác xã (tăng 25 HTX so với cuối năm 2017 giải thể 11 HTX hoạt động kém hiệu quả).

II- Kết quả thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

1- Về công tác tư tưởng, quán triệt chủ trương, đường lối, chính sách chung của Đảng về hội nhập kinh tế quốc tế trong tình hình mới

Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy về hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đến với đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn huyện. Đến nay đa số cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân đã được tiếp thu, nắm vững các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về hội nhập kinh tế quốc tế, các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam đã tham gia như: Các Hiệp định khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA), Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), FTA Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á - Âu (EAEU), FTA Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC),...

2- Về chú trọng nâng cao năng lực thực thi pháp luật.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật được tăng cường; các văn bản pháp luật mới ban hành đều được tổ chức tuyên truyền đến đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và một số bộ phận Nhân dân; các cấp ủy đảng thường xuyên lãnh đạo đối với công tác tư pháp, công tác nội chính, công tác phòng chống tham nhũng; công tác điều tra, truy tố, xét xử đảm bảo đúng pháp luật, không xảy ra oan, sai, bỏ lọt tội phạm; công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện đúng qui định; góp phần tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Thực hiện đào tạo, nâng cao nhận thức và năng lực pháp lý, đặc biệt là tiếp thu kiến thức pháp luật về thương mại quốc tế cho cán bộ, công chức, viên chức; hàng năm huyện đã cử cán bộ, công chức của các cơ quan chuyên môn tham gia các lớp tập huấn kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế do các sở, ngành tổ chức.

3- Tập trung các nguồn lực để thực hiện đột phá về phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo công nghệ.

3.1- Nâng cao năng lực cạnh tranh của huyện, doanh nghiệp và sản phẩm.

- Tạo môi trường đầu tư, kinh doanh ngày càng thuận lợi cho các cá nhân, doanh nghiệp, nhà đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Thủ tục về đất đai, cấp giấy phép xây dựng, thuế,... thường xuyên được cải tiến, thực hiện nhanh chóng, kịp thời cho các tổ chức, công dân. Từ năm 2017 đến hết năm 2022, có thêm 128 doanh nghiệp được thành lập mới (*giải thể 69 doanh nghiệp*), nâng tổng số doanh nghiệp trên toàn huyện thành 224 doanh nghiệp, tổng vốn đăng ký 1.950 tỷ đồng; thành lập mới 25 HTX (*giải thể 11 HTX*), nâng tổng số HTX toàn huyện lên 27 HTX, với tổng vốn điều lệ 52 tỷ đồng; cấp mới thêm 924 giấy phép đăng ký hộ kinh doanh cá thể, nâng tổng số hộ kinh doanh toàn huyện lên 2.350 hộ, tổng vốn đăng ký khoảng 600 tỷ đồng. Công tác kêu gọi, xúc tiến đầu tư được chú trọng, huyện thường xuyên tổ chức các Hội nghị gặp mặt, đối thoại doanh nghiệp, Hội nghị xúc tiến đầu tư để kêu gọi, thu hút đầu tư vào huyện.

- Thường xuyên tổ chức tiếp nhận và xử lý các ý kiến kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp; từ đó nắm bắt những nguyện vọng, khó khăn, vướng mắc, để kịp thời có những giải pháp tháo gỡ, hỗ trợ đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh cho các doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn huyện.

3.2- Phát triển dịch vụ đáp ứng nhu cầu của Nhân dân, mở rộng thị trường, xây dựng thương hiệu hàng hóa thế mạnh của huyện, hoàn thiện hệ thống thương mại, phát triển du lịch trên nền tảng phát huy các lợi thế tự nhiên của huyện.

Trong những năm qua, cơ sở hạ tầng thương mại trên địa bàn huyện đã có nhiều chuyển biến, hệ thống chợ nông thôn đã được các ngành, các cấp quan tâm đầu tư để phục vụ nhu cầu sản xuất - tiêu dùng của nhân dân. Hiện nay, trên toàn huyện có 07 Chợ gồm: Chợ thị trấn Đăk Mâm, Nâm N'Đir, Nam Đà, Nâm Nung, Đăk Drô, Đăk Sôr và Quảng Phú; 01 Chợ tạm: Chợ Đức Xuyên. Với tổng số hộ kinh doanh 516 hộ, trong đó kinh doanh cố định 482 hộ, thu hút khoảng hơn 500 lao động thường xuyên và gần 100 lao động không thường xuyên. Riêng Chợ trung tâm thị trấn Đăk Mâm đi vào hoạt động tạm phục vụ nhu cầu buôn bán, mua sắm của người dân trước dịp Tết Nguyên đán 2020 tương đối ổn định; Hiện nay chợ Đăk Mâm đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan để đưa vào hoạt động chính thức. Thời gian tới tiếp tục thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý kinh doanh khai thác chợ Đăk Drô và các chợ còn lại theo quy định.

- Hệ thống hạ tầng thương mại - dịch vụ tiếp tục được quan tâm đầu tư; thu hút được nhiều tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện đầu tư, kinh doanh trên địa bàn, kích thích tiêu dùng phát triển, góp phần đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân; mỗi năm có trên 100 cơ sở kinh doanh thương mại - dịch vụ đăng ký mới, lũy kế đến năm 2022 có trên 2.300 cơ sở thương mại, dịch vụ, hộ buôn bán nhỏ lẻ hoạt động trên địa bàn, giá trị ngành thương mại - dịch vụ đến hết năm 2022 đạt 2.994,8 tỷ đồng, tăng 1.353,8 tỷ đồng so với năm 2017.

- Công tác phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả được triển khai thường xuyên; đa số các cơ sở kinh doanh đều tuân thủ đảm bảo các quy định của Nhà nước; các sản phẩm hàng hóa trên thị trường huyện đa số đều có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chất lượng đảm bảo. Từ năm 2017 đến nay đã tổ chức kiểm tra 335 cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, qua đó phát hiện và xử lý VPHC 84 cơ sở với số tiền 102,4 triệu đồng, các lỗi vi phạm chủ yếu như: Không niêm yết giá hàng hóa tại địa điểm phải niêm yết giá, hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ, không có hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc hàng hóa, hàng hóa không đảm bảo về An toàn thực phẩm...

- Hạ tầng giao thông tiếp tục được hoàn thiện, một số dự án hạ tầng trọng điểm có tác động thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện đã được đầu tư hoàn thành như: Đường giao thông từ xã Tân Thành, huyện Krông Nô đi xã Đăk Săk, huyện Đăk Mil; Đường Đăk Mâm đi đôn 7(759) - Tỉnh lộ 3; Nâng cấp, sửa chữa hồ Thị trấn Đăk Mâm, Quảng trường huyện Krông Nô, Đường giao thông về xã Buôn Choánh huyện Krông Nô, Hồ chứa nước Nam Xuân, Hoa viên thị trấn Đăk Mâm, Kè bảo vệ dân cư và vùng trọng điểm sản xuất lương thực dọc sông Krông Nô, ... Các loại hình dịch vụ vận tải hành khách ngày càng phát triển thêm về số lượng, chất lượng, góp phần đảm bảo được nhu cầu đi lại của người dân; Hiện tại Bến xe khách huyện có 34 đầu xe hoạt động, chạy đối lưu đến 12 Tỉnh, Thành phố, đáp ứng được nhu cầu đi lại của người dân trên địa bàn huyện.

- Cơ sở vật chất phục vụ cho du lịch từng bước được hoàn thiện; Đã triển khai xây dựng 03 hạng mục cơ sở vật chất thuộc Công viên địa chất Đăk Nông tại các xã: Đăk Sôr, Nâm N'Đir, Quảng Phú; hiện tại công viên địa chất Đăk Nông đã được UNESCO công nhận là công viên địa chất toàn cầu. Lượng khách du lịch trên địa bàn huyện từ năm 2017 đến năm 2022 hơn 400.000 lượt khách, lượng khách du lịch đến huyện tăng bình quân 20%/năm. Toàn huyện hiện có 09 nhà nghỉ, 03 khách sạn, 01 homestay, cơ bản đảm bảo nhu cầu lưu trú của khách đến huyện.

3.3- Tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch; Phát triển nông thôn mới gắn chặt với giảm nghèo bền vững; Quản lý bảo vệ rừng hiệu quả, nâng cao tỉ lệ che phủ rừng.

- Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp và quy hoạch vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Chương trình số 43-CTr/HU ngày 22/11/2019. Việc triển khai các Chương trình, mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp tiếp tục đạt được những kết quả đáng ghi nhận¹. Đẩy mạnh triển khai hiệu quả Chương trình OCOP một cách đồng bộ từ huyện tới xã; thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền Chương trình mỗi xã một sản phẩm bằng nhiều hình thức; đến nay toàn huyện đã có 09 sản phẩm OCOP với 03 sản phẩm 4 sao và 06 sản phẩm 3 sao. Huyện đã triển khai xây dựng và đưa vào hoạt động cửa hàng trưng bày, giới thiệu sản phẩm huyện Krông Nô nhằm trưng bày, giới thiệu bán sản phẩm hàng hóa an toàn của các tổ hợp tác, HTX, các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn huyện.

- Chương trình xây dựng Nông thôn mới được quan tâm, chỉ đạo thường xuyên và triển khai thực hiện quyết liệt. Đến hết năm 2022, có 3 xã (xã Nam Đà; xã Đăk Sôr và xã Đăk Drô) đã đạt chuẩn nông thôn mới; đến hết năm 2022 toàn huyện đạt tổng cộng 179 tiêu chí, bình quân mỗi xã đạt 16,27 tiêu chí. Các Chương trình MTQG về xây dựng Nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững trong giai đoạn 2017-2022 thực hiện đầu tư cho 94 công trình với tổng mức đầu tư hơn 66.904 triệu đồng.

- Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tiếp tục được các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm; có sự vào cuộc quyết liệt của các cấp ủy, chính

¹ Trong giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2022 đã triển khai được các mô hình sản xuất nông nghiệp như: Chương trình Điều tra, đánh giá, cải tạo, phòng trừ sâu bệnh hại trên cây Điều; Mô hình sử dụng chế phẩm Sumitri xử lý đồng ruộng tại 3 xã Nam Đà, Đăk Drô, Đức Xuyên, trên diện tích 6ha (mỗi xã 2 ha); Mô hình Ủ rơm với Urê để dự trữ thức ăn cho trâu bò trong mùa khô triển khai cho 02 hộ tại xã Nam Đà và Đức Xuyên; Mô hình vườn chòi cà phê tại hộ Phan Văn Minh, xã Nam Đà; Mô hình nhân giống khoai lang từ nuôi cấy mô triển khai tại xã Đức Xuyên; Mô hình chăn nuôi dê lai Boyer; Chương trình nhân rộng lúa LH12 với tổng diện tích 40 ha (xã Nam Đà 20ha; xã Năm N’Đir 20 ha); Chương trình chuyển đổi cây trồng mô hình ngô tại Năm Nung; Chương trình tập huấn IPM trên cây hồ tiêu; Kế hoạch tái tạo nguồn lợi thủy sản: triển khai trên Hồ thị trấn Đăk Mâm và Hồ Đăk Rô với số lượng 6.400 con; Mô hình sản xuất Bơ theo tiêu chuẩn VietGAP, triển khai 15,5ha tại các xã Quảng Phú, Nam Đà, Tân Thành; Mô hình lúa VietGap tại xã Buôn Choah; Mô hình liên kết theo chuỗi giá trị cây Đinh Lăng, đã triển khai diện tích 10 ha (60.000 cây) tại 4 xã Năm Nung, Tân Thành, Đăk Drô và Đăk Sôr; Mô hình bảo tồn nguồn Gen cây Sâm cau, triển khai 0,3 ha (41.665 cây) tại xã Đăk Sôr và Nam Đà; Mô hình sản xuất cây ăn trái (cam quýt) hữu cơ quy mô 3ha triển khai tại xã Đức Xuyên, Năm N’Đir; Xây dựng vườn chòi giống xanh lùn (TS 05), cà phê dây quy mô trồng 3.000 cây cà phê đầu dòng, hằng năm cung cấp trên 100.000 chồi phục vụ tái canh cà phê kinh trên địa bàn huyện; Xây dựng vườn rau an toàn quy mô 01ha/02 hộ tại thị trấn Đăk Mâm, hỗ trợ sử dụng phân bón hữu cơ, thuốc chế phẩm sinh học trong sản xuất; Mô hình lúa chất lượng cao (LCH37 và LTH31) triển khai 30ha/79hộ tại xã Năm N’Đir và xã Quảng Phú, năng suất trung bình ước đạt 6,5 tấn/ha; Dự án VnSAT triển khai thực hiện về tưới nước tiết kiệm, tập huấn 05 lớp kỹ thuật trồng và chăm sóc cà phê, tái canh cà phê và vay vốn phục vụ sản xuất; Mô hình bảo tồn nguồn gen Sâm cau gắn với phát triển cây Sâm cau dưới tán cây công nghiệp và tán rừng tạo sinh kế cho người dân; Mô hình chuyên canh cây Sầu riêng tại xã Nam Đà; Mô hình cải tạo các giống bơ năng suất thấp, chất lượng kém bằng các giống bơ năng suất, chất lượng cao; Mô hình thâm canh bưởi da xanh; Dự án ứng dụng giống đậu S7-CB và VA-201 vào sản xuất,...

quyền địa phương, lực lượng chức năng; Huyện ủy đã ban hành Chương trình hành động số 23-CTr/HU ngày 09/8/2017 thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Chỉ thị số 21-CT/HU ngày 12/10/2017 về tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng và điều tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng; từ sự thống nhất, quyết tâm trong công tác lãnh đạo chỉ đạo và tổ chức thực hiện nên công tác quản lý, bảo vệ rừng thực hiện đạt chỉ tiêu Nghị quyết 11-NQ/TU của Tỉnh ủy đề ra. Tổng diện tích trồng, chăm sóc rừng từ năm 2017 đến năm 2022 trên địa bàn huyện là 3.911,59 ha, nâng độ che phủ rừng từ 32,9% lên 35,2%.

4- Về tăng cường quốc phòng, an ninh.

- An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện tiếp tục được giữ vững; triển khai nghiêm túc các chủ trương của cấp trên về lĩnh vực an ninh, trật tự; lực lượng công an được quan tâm xây dựng, củng cố và chỉ đạo các mặt công tác; đã triển khai Đề án đưa công an chính quy về đảm nhiệm các chức danh Công an xã. Thường xuyên chủ động nắm bắt tình hình, kịp thời giải quyết, xử lý các vụ việc liên quan đến dân tộc, tôn giáo, an ninh nông thôn; tập trung đấu tranh trấn áp tội phạm, tệ nạn xã hội, đảm bảo an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được đẩy mạnh.

- Tiếp tục nắm tình hình đối với các chương trình, đề án, dự án, công trình đầu tư từ các nguồn vốn Phi Chính phủ nước ngoài vào địa bàn huyện, nhất là tại các địa bàn, vùng dân tộc thiểu số, vùng tôn giáo. Chú trọng phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả hoạt động cài cắm nội gián của các cơ quan đặc biệt nước ngoài vào nội bộ, đặc biệt ở các bộ phận quan trọng, thiết yếu và cơ mật về kinh tế. Hàng năm đều xây dựng và triển khai thực hiện từ 02 đến 03 đợt cao điểm tấn công trấn áp các loại tội phạm, góp phần tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Xây dựng, củng cố quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh Nhân dân ngày càng vững chắc, tiềm lực quốc phòng - an ninh của huyện được tăng cường; lực lượng vũ trang được xây dựng ngày càng vững mạnh, duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; hoàn thành tốt kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, huấn luyện chiến đấu, diễn tập quân sự; tuyển quân đủ số lượng, đảm bảo chất lượng theo chỉ tiêu được giao; lực lượng dân quân, tự vệ được củng cố, lực lượng dự bị động viên thường xuyên được rà soát, bổ sung; tổ chức diễn tập tại các xã, thị trấn đúng kế hoạch, chất lượng được nâng lên; công tác hậu phương quân đội và giải quyết chính sách tôn động sau chiến tranh được triển khai kịp thời, đạt kết quả tốt. Đã triển khai đầu tư xây dựng các hạng mục hạ tầng huấn luyện quốc phòng cho thao trường huấn luyện của LLVT huyện tại xã Đắc Drô và xã Năm Nung và thao trường huấn luyện của LLVT tỉnh tại xã Đức Xuyên.

5- Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Thường xuyên duy trì, tăng cường mối quan hệ hợp tác, giao lưu, kết nghĩa đã có với các đơn vị trong và ngoài tỉnh như: Đoàn biên phòng Đắk Đam; Huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam; Chi hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia,... Đồng thời thường xuyên tổ chức các Đoàn học tập kinh nghiệm về xây dựng Nông thôn mới, cải cách hành chính, quản lý công viên địa chất,... tại một số tỉnh bạn.

- Tổ chức tiếp đón chu đáo các đoàn công tác của UNESCO về thẩm định hồ sơ công nhận công viên địa chất toàn cầu và các đoàn công tác của các tỉnh bạn như TPHCM, Tây Ninh, Hà Giang, Long An, Quảng Nam... đến thăm và làm việc tại huyện.

6- Bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa dân tộc.

- Giữ vững và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp trong gia đình, thôn, buôn, bon; duy trì, bảo tồn các lễ hội văn hóa đặc sắc của cộng đồng các dân tộc thiểu số như: Lễ hội cấp sắc của đồng bào dân tộc Dao, Lễ hội Lồng Tồng của đồng bào dân tộc Tày, Lễ hội M'Găp Bon của đồng bào dân tộc M'Nông,... Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, thủ công mỹ nghệ như đan lát, thêu hoa, dệt thổ cẩm.

- Nhiều phong trào, hoạt động văn hóa đạt được những kết quả cụ thể, thiết thực, phát huy được truyền thống văn hóa gia đình, dòng họ, cộng đồng..., góp phần vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Xã hội hóa hoạt động văn hóa ngày càng được mở rộng, góp phần đáng kể vào việc xây dựng các thiết chế văn hóa (các công trình thể thao, điểm vui chơi...). Công tác quản lý, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc, các di tích lịch sử được thực hiện tốt, phát triển văn hóa truyền thống kết hợp với phát triển du lịch cộng đồng, góp phần làm phong phú thêm các sản phẩm du lịch của huyện.

7- Giải quyết tốt các vấn đề xã hội: Các chính sách xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội được thực hiện đồng bộ, kịp thời và hiệu quả, đã đạt được những kết quả sau:

+ Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo: Triển khai thực hiện các Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 28/4/2011, Quyết định số 1693/QĐ-UBND ngày 03/11/2011, Quyết định 1111/QĐ-UBND ngày 27/7/2015, Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND tỉnh Đắk Nông trên địa bàn huyện đã hỗ trợ nhà ở cho 219 hộ nghèo, kinh phí hỗ trợ là 6.262 triệu đồng:

+ Nhà chính sách: Thực hiện Quyết định số 22/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ nhà ở cho người có công (Quyết định số 1933/QĐ-UBND và Quyết định số 1365/QĐ-UBND của UBND tỉnh) đã hỗ

trợ 134 hộ chính sách làm nhà ở với số tiền 1.015 triệu đồng; từ các nguồn hỗ trợ khác đã giúp đỡ cho 16 hộ chính sách làm nhà ở với số tiền 8,820 triệu đồng.

Chính sách vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện và ngân hàng nông nghiệp PTNT chi nhánh huyện Krông Nô thời gian qua đã tạo điều kiện cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo vươn lên trung bình và khá, cụ thể:

+ Chương trình tín dụng ưu đãi hộ nghèo, hỗ trợ cho vay 9.415 lượt hộ với tổng số tiền vay 259.713 triệu đồng:

+ Chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ cận nghèo: cho vay 3.999 lượt hộ với tổng số tiền vay 2.59.713 triệu đồng.

+ Chính sách tín dụng cho hộ thoát nghèo vay: cho vay 1.621 lượt hộ với tổng số tiền vay 68.158,71 triệu đồng.

+ Cho vay đối với hộ vùng khó khăn: có 3.929 lượt hộ vay với tổng số tiền 103.506 triệu đồng.

+ Cho vay hộ nghèo làm nhà ở có 318 lượt hộ vay với tổng số tiền 3.422 triệu đồng.

+ Hỗ trợ học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn có 5.353 lượt học sinh, sinh viên vay với tổng số tiền vay 46.743,55 triệu đồng.

- Vận động quỹ vì người nghèo hỗ trợ cho các gia đình gặp khó khăn do thiên tai với tổng số tiền 650 triệu đồng, vận động các nhà hảo tâm tặng 18.570 suất quà với tổng số tiền 5.850,7 triệu đồng cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. Vận động quỹ khuyến học, khuyến tài do ngành giáo dục phát động với số tiền 677,929 triệu đồng, đã hỗ trợ cho 590 cán bộ giáo viên và 3.978 học sinh khó khăn có thành tích xuất sắc trong công tác dạy và học. Trong thời gian qua các ngành đã phối hợp tốt với các tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm tổ chức nhiều hoạt động thiết thực như: Khám chữa bệnh và cấp thuốc miễn phí cho hơn 2.500 người, phẫu thuật tim miễn phí tại TPHCM cho 4 em có hoàn cảnh khó khăn... Đến cuối năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện còn 3,52%, giảm 5,59% so với năm 2017; trong đó: ĐBDTTS còn 22,73%, giảm 2,2% so với năm 2017.

- Thực hiện lồng ghép có hiệu quả các chương trình đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã, nhất là các Chương trình MTQG về xây dựng Nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững. Tiếp tục huy động những nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài (dự án ActionAid, Trung tâm BTXH Nhà May mắn) để giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc tại địa phương.

8- Giải quyết tốt các vấn đề môi trường.

- Công tác vệ sinh môi trường, thu gom rác thải được theo dõi thực hiện thường xuyên, xử lý kịp thời. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn ở đô thị đạt 97%; mở rộng phạm vi thu gom rác thải đến các xã trên địa bàn huyện; Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom đạt 61%; Tiếp tục đầu tư mở rộng thêm hố xử lý chất thải rắn tại bãi rác thị trấn Đắc Mâm.

- Các vấn đề về sức khỏe cộng đồng liên quan tới vệ sinh môi trường tiếp tục được quan tâm giải quyết. Trong giai đoạn từ năm 2017 đến hết năm 2022 đã thực hiện sửa chữa, nâng cấp trạm cấp nước xã Đức Xuyên (khu vực nhiễm Asen) bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước và vốn Doanh nghiệp; đồng thời đã thực hiện đầu tư xây dựng mới 05 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung (tại các xã Nâm N'ddirr, Quảng Phú, Tân Thành, Nâm Nung); xây dựng, cải tạo 06 nhà vệ sinh trường học; cải tạo, nâng cấp hệ thống lọc nước cho 05 Trạm Y tế; cải tạo, xây mới nhà tiêu hợp vệ sinh cho 315 hộ dân với tổng mức đầu tư khoảng 45 tỷ đồng từ nguồn vốn Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn ngân hàng thế giới (WB) và các nguồn vốn khác. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh trên địa bàn huyện đến năm 2022 đạt 97,5%, tăng 10,6% so với năm 2017.

9- Đổi mới hoạt động của tổ chức công đoàn.

Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động công đoàn; Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công đoàn có kỹ năng vận động, thuyết phục, tập hợp người lao động, dám đấu tranh bảo vệ người lao động theo quy định của pháp luật; Các phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên được đẩy mạnh; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động; Hoạt động của công tác nữ công đã có những đổi mới về nội dung và hình thức, các hoạt động tuyên truyền đều gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương.

III- Đánh giá chung.

1- Ưu điểm:

Với những chủ trương, định hướng đúng đắn và phù hợp của Huyện ủy, sự năng động, sáng tạo trong công tác chỉ đạo điều hành của UBND huyện; sự quyết tâm phấn đấu nỗ lực của các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai các nhiệm vụ hội nhập kinh tế quốc tế; Tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện trong thời gian qua phát triển khá ổn định; Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ đều tăng so với năm trước; tỷ lệ hộ nghèo giảm, chính sách an sinh xã hội, chính sách dân tộc được quan tâm chỉ đạo thực hiện kịp thời chu đáo, đời sống Nhân dân ngày càng được cải thiện; Cải cách hành chính được các cấp, các ngành quan tâm; tình hình an ninh chính trị trên địa bàn huyện được đảm bảo ổn định.

2- Khuyết điểm và nguyên nhân:

2.1- Khuyết điểm:

- Một số cấp ủy đảng nhận thức chưa đầy đủ về hội nhập kinh tế quốc tế, nên trong chỉ đạo điều hành còn thiếu sâu sát, dẫn đến nhận thức của một số bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức về hội nhập kinh tế quốc tế chưa cao.

- Dự báo, định hướng trong quy hoạch chưa tốt; chất lượng quy hoạch còn thấp, chưa thực sự là cơ sở vững chắc cho hoạch định các kế hoạch phát triển, đặc biệt là các quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm, quy hoạch sử dụng đất. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm, tỷ trọng nông nghiệp vẫn chiếm tỷ lệ cao, khu vực công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ chưa có bước phát triển đột phá để khai thác tiềm năng, thế mạnh của huyện. Phát triển nông nghiệp vẫn còn chạy theo thị trường, thiếu bền vững; ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất còn hạn chế; ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường; tình hình thiên tai, dịch bệnh trên người, trên cây trồng, vật nuôi còn diễn biến phức tạp; chưa phát huy được vai trò nòng cốt của người dân trong xây dựng nông thôn mới. Công tác quản lý, bảo vệ rừng vẫn còn gặp nhiều khó khăn; tình trạng phá rừng làm nương rẫy, lấn chiếm đất lâm nghiệp, khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép vẫn còn xảy ra, việc tranh chấp đất đai còn diễn biến phức tạp. Hoạt động khai thác cát trái phép vẫn còn diễn ra, gây sạt lở bờ sông, bức xúc trong Nhân dân.

- Việc triển khai các dự án trên địa bàn huyện còn tiềm ẩn nguy cơ phát sinh mất ổn định trật tự an toàn xã hội. Còn diễn ra tình trạng tranh chấp đất đai giữa doanh nghiệp và người dân (đặc biệt là với người đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ) như: tranh chấp đất trồng cao su tại công ty TNHH Nông lâm nghiệp Nam Nung làm ảnh hưởng đến quá trình thực hiện cổ phần hóa...

- Việc đầu tư xây dựng Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, dẫn đến chưa thu hút được các dự án đầu tư; các dự án đầu tư triển khai trên địa bàn chậm tiến độ, vướng mắc trong giải phóng mặt bằng, thủ tục đầu tư. Hoạt động kết nối thị trường, xúc tiến đầu tư đã được chú trọng nhưng hiệu quả mang lại chưa cao, chưa thu hút được các dự án đầu tư xã hội hóa về giáo dục.

- Tỷ lệ hộ nghèo ở vùng dân tộc thiểu số còn cao; việc giải quyết các vấn đề dân di cư tự do vẫn còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, làm ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, gây áp lực cho công tác quản lý đất đai, bảo vệ rừng.

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an ninh nông thôn, dân tộc, tôn giáo vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ phức tạp, đặc biệt tại những nơi triển khai các dự án trọng điểm, các dự án liên quan đến nông lâm nghiệp, việc tranh chấp giữa người dân với các công ty lâm nghiệp liên quan đến đất đai, quyền lợi kinh tế, tình trạng tín dụng đen, võ hui, các tệ nạn xã hội ảnh hưởng tới tình hình an ninh trật tự.

2.2- Nguyên nhân:

- Một số nguyên nhân khách quan như: Vị trí địa lý của huyện không thuận lợi làm hạn chế khả năng kêu gọi, thu hút đầu tư; kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng về giao thông còn thiếu đồng bộ làm ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Tình hình biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, thiên tai, dịch bệnh ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp; giá cả thị trường xuống thấp dẫn đến đời sống người dân khó khăn...; diện tích rừng và đất lâm nghiệp đã bị người dân lấn chiếm trước khi thu hồi từ các doanh nghiệp nhà nước bàn giao về địa phương quản lý, nên rất khó khăn cho chính quyền địa phương trong công tác quản lý, bảo vệ rừng. Một số dự án ổn định dân di cư tự do chưa được bố trí vốn để triển khai thực hiện, gây khó khăn trong bố trí tái định cư, gây áp lực công tác quản lý bảo vệ rừng.

- Nguyên nhân chủ quan: Định hướng về phát triển nông nghiệp chưa tốt, việc kết nối giữa nhà nước – nhà khoa học – doanh nghiệp – ngân hàng – nhà nông còn hạn chế; công nghiệp chế biến chưa phát triển; nhận thức của người dân về sản xuất nông nghiệp bền vững, theo hướng ứng dụng công nghệ cao, ứng phó với biến đổi khí hậu chưa cao; các sản phẩm nông nghiệp chủ lực cung vượt cầu nên dẫn đến mất giá. Việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội ở một số ngành, địa phương còn thiếu tính năng động, sáng tạo, có lúc, có nơi chưa theo kịp yêu cầu nhiệm vụ đề ra...; một bộ phận cán bộ, người dân còn mang nặng tư tưởng trông chờ, ỷ lại cấp trên và ngân sách nhà nước.

2.3- Bài học kinh nghiệm:

- Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị: Các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phải quán triệt sâu sắc nội dung của nghị quyết, làm rõ trách nhiệm cụ thể của các tổ chức trong triển khai thực hiện; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức rõ ý nghĩa chính trị, kinh tế, nhân văn của Nghị quyết về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, từ đó phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Sự lãnh đạo của Đảng: Nơi nào cả hệ thống chính trị vào cuộc với tinh thần quyết tâm cao, thực hiện quyết liệt, hoạt động đồng bộ; xác định nội dung có trọng tâm, trọng điểm và phù hợp với điều kiện cụ thể thực tiễn tại địa phương thì nơi đó tình hình có sự chuyển biến tốt và đạt kết quả cao.

- Tổ chức thực hiện, nhất là công tác thể chế: Phải đặc biệt quan tâm công tác cán bộ, nhất là đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ ở cơ sở; phát huy vai trò, trách nhiệm, tâm huyết của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, địa phương, đơn vị trong việc thực hiện Nghị quyết. Phải biết khơi dậy, nuôi dưỡng, phát triển nguồn lực trong nhân dân, lấy tinh thần thi đua làm phương châm chủ đạo trong lãnh đạo, chỉ đạo. Phải công

khai, dân chủ, trao quyền tự chủ tối đa cho người dân để người dân thực sự là chủ thể chính trong quá trình thực hiện. Phải đặc biệt quan tâm công tác cán bộ, nhất là đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ ở cơ sở; phát huy vai trò, trách nhiệm, tâm huyết của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, địa phương, đơn vị trong việc thực hiện Nghị quyết. Thường xuyên làm tốt công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện những tồn tại, khó khăn để giải quyết; duy trì việc giao ban định kỳ, sơ kết, tổng kết đánh giá sâu từng vấn đề để rút kinh nghiệm và đề ra giải pháp thực hiện hiệu quả.

IV- Nhiệm vụ và giải pháp trong thời gian tới.

1- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các vấn đề về hội nhập kinh tế quốc tế:

Tập trung vào các nội dung liên quan đến nghĩa vụ và xu hướng quản lý, xu hướng thị trường thể hiện tại các FTA mà Việt Nam đã, đang và sẽ ký kết. Các Hiệp định khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA), Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), FTA Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á - Âu (EAEU), FTA Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC), các cam kết trong WTO; bài học kinh nghiệm trong quá trình hội nhập quốc tế,... Qua đó giúp nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, công chức về các cơ hội và thách thức trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; giúp cho Nhân dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện nắm bắt, hiểu biết và tận dụng tối đa các cơ hội của hội nhập kinh tế quốc tế để tập trung vào sản xuất, kinh doanh, đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ đất nước.

2- Đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đột phá về phát triển kinh tế - xã hội:

- Tổ chức cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng các vùng nông nghiệp công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; sản xuất an toàn, phù hợp với nhu cầu của thị trường; tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Thực hiện rà soát, đề xuất nhiệm vụ quy hoạch về nông nghiệp, nông thôn mới đưa vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 đảm bảo chất lượng, có tính khả thi cao và triển khai theo quy hoạch được phê duyệt. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm; phát triển diện tích nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao: 1.600 - 2.000 ha/5 vùng. Phát triển công nghiệp chế biến; xây dựng, phát triển thương hiệu nông sản; chủ động xúc tiến thương mại, tìm kiếm, kết nối, mở rộng thị trường; thực hiện tốt liên kết chặt chẽ 05 nhà (Nhà nước - Nhà khoa học - Doanh nghiệp - Ngân hàng - Nhà nông).

- Tập trung phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các nghề thủ công, nâng cao tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế. Tăng cường đầu tư xây dựng kết

cầu hạ tầng, bố trí nguồn quỹ đất thuận lợi để kêu gọi nhà đầu tư xây dựng các điểm công nghiệp gắn với vùng nguyên liệu, trong đó tập trung ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến sâu về nông sản để nâng cao chất lượng, giá trị nông sản.

- Phát triển nhanh và đa dạng ngành dịch vụ, thương mại, nhất là các dịch vụ có lợi thế. Phát triển thương mại, dịch vụ đa dạng, cạnh tranh cho đại đa số người dân; Hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận các cơ chế, chính sách phù hợp để các doanh nghiệp bán lẻ mở rộng quy mô, mạng lưới hoạt động. Quy hoạch, xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng thương mại bán lẻ, tạo quỹ đất dành cho xây dựng cơ sở bán lẻ hiện đại.

- Thực hiện tốt các quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi. Tăng cường công tác quản lý thu; điều hành thu, chi ngân sách và quản lý tài sản công chặt chẽ, tiết kiệm, bảo đảm kỷ cương tài chính ngân sách. Quản lý chặt chẽ công tác đầu tư công, khắc phục triệt để tình trạng đầu tư dàn trải, không hiệu quả; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đảm bảo các dự án triển khai nhanh, đúng tiến độ, phát huy hiệu quả nguồn vốn đầu tư; huy động tối đa mọi nguồn lực từ Trung ương, tỉnh, huyện; kêu gọi đầu tư từ nội lực trong Nhân dân để phát triển kinh tế; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các dự án đầu tư công.

- Phát triển doanh nghiệp, hộ kinh doanh, Hợp tác xã, Tổ hợp tác, trang trại. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh. Khuyến khích, hỗ trợ hình thành các hình thức tổ chức sản xuất của hợp tác xã, tổ hợp tác; đến năm 2025 phấn đấu mỗi xã có 01 Hợp tác xã hoạt động hiệu quả.

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển; phát triển đô thị Đắc Mâm theo hướng chuẩn đô thị loại IV. Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư, xây dựng và hoàn thiện hệ thống giao thông trên địa bàn huyện; Huy động nguồn lực đầu tư các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp. Thực hiện quy hoạch mở rộng không gian đô thị thị trấn về hướng xã Nam Đà và các xã lân cận, thu hút đầu tư phát triển thương mại - dịch vụ, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, phát triển bền vững, phấn đấu đến năm 2030 đạt đô thị loại IV.

- Tập trung cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo sức hấp dẫn để thu hút đầu tư vào huyện. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện minh bạch, rõ ràng và đề xuất đơn giản hoá thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư, doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh. Chủ động đối thoại, mời gọi các nhà đầu tư tiềm năng, có tiềm lực mạnh về tài chính tham gia đầu tư vào huyện. Tăng cường đối thoại với doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, giám sát, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ đầu tư, kiên quyết đề xuất thu hồi các dự án chậm triển khai thực hiện.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên, môi trường, góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu. Lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu 2020 - 2025 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo quy định. Tiếp tục rà soát xây dựng, thực hiện sổ hóa cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn huyện nhằm phục vụ quản lý nhà nước về đất đai.

- Phát triển du lịch, xây dựng các sản phẩm du lịch gắn kết Công viên địa chất toàn cầu Đắk Nông với các giá trị văn hóa truyền thống, tài nguyên thiên nhiên của huyện. Thu hút đầu tư phát triển du lịch dựa trên tiềm năng, lợi thế về hệ thống thác nước, hồ, đập, di tích lịch sử văn hóa; sự phong phú, đa dạng về văn hóa của các dân tộc thiểu số, đặc biệt hệ thống hang động núi lửa nằm trong quần thể Công viên địa chất Đắk Nông.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển khoa học công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển. Đẩy mạnh xây dựng nền văn hóa, con người, đạo đức xã hội. Chăm lo xây dựng con người phát triển toàn diện; xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh; xây dựng văn hoá, đạo đức trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và đoàn thể. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về vị trí, vai trò của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, đặc biệt là đạo đức, lối sống, nề nếp gia đình, văn hóa giao tiếp trên môi trường mạng xã hội.

- Đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động các nguồn lực đầu tư cho phát triển văn hóa. Quan tâm đầu tư thiết chế văn hóa - thể thao. Cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Thực hiện nghiên cứu, sưu tầm, phục dựng và bảo tồn di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, các phong tục, tập quán, tín ngưỡng tốt đẹp của các dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện gắn với phát triển du lịch. Nâng cao chất lượng hoạt động văn hoá, thông tin và truyền thanh. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại hóa trang thiết bị và hệ thống truyền thanh từ huyện đến xã - thị trấn. Đổi mới và nâng cao chất lượng chương trình truyền thanh - truyền hình. Nâng cao chất lượng nội dung thông tin, bám sát nhiệm vụ chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ huyện, của chính quyền và các cơ quan quản lý nhà nước; bám sát tình hình thực tế, phản ánh phong phú, đa dạng nguồn thông tin đáp ứng nhu cầu thưởng thức, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của người dân.

- Thực hiện đồng bộ chính sách an sinh xã hội với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, người già neo đơn, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người yếu thế trong xã hội. Thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án, quỹ tín dụng để hỗ trợ phát triển sản xuất, ổn định đời sống, thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo. Tiếp tục triển khai kịp thời, hiệu quả chính sách của Nhà nước về chính sách dân tộc, góp phần nâng cao đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu

số. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách giảm nghèo của Đảng và Nhà nước; nâng cao nhận thức và vai trò, trách nhiệm thực hiện công tác giảm nghèo của các cấp, các ngành và Nhân dân, tạo chuyển biến về nhận thức, tự vươn lên thoát nghèo, tránh trông chờ sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội.

- Đổi mới và hoàn thiện hệ thống Y tế, tạo cơ hội thuận lợi cho người dân được bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe với chất lượng ngày càng cao. Tiếp tục thực hiện tốt công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, hành nghề y, dược tư nhân; phòng chống dịch bệnh; phát triển tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm Y tế. Cung ứng đầy đủ, kịp thời vật tư và dụng cụ y tế phục vụ cho công tác khám chữa bệnh. Không ngừng nâng cao năng lực và hiệu quả khám và điều trị bệnh; thực hiện tốt các quy định về y đức trong phục vụ người bệnh, tạo niềm tin nhằm thu hút bệnh nhân đến khám và điều trị tại Trung tâm y tế huyện và các trạm y tế xã, thị trấn.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và tuyên truyền trong xây dựng Nông thôn mới, theo đó cộng đồng dân cư được xác định vừa là chủ thể, vừa là nguồn lực, vừa là đối tượng được thụ hưởng từ kết quả xây dựng Nông thôn mới theo phương châm: Dân cần - dân biết - dân bàn - dân làm - dân giám sát - dân hưởng thụ. Nêu cao vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong thực hiện xây dựng Nông thôn mới. Huy động các nguồn lực xã hội cùng chung tay, góp sức xây dựng Nông thôn mới nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân lên mức khá và giàu, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ, hiện đại; kinh tế nông thôn phát triển mạnh mẽ, trình độ sản xuất tiên tiến, nông dân lao động sản xuất chuyên nghiệp, sản phẩm có sức cạnh tranh cao; cuộc sống ở nông thôn dân chủ, bình đẳng, tiến bộ, ổn định và giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường, cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp; an ninh trật tự được giữ vững.

3- Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, nâng cao chất lượng hoạt động ngành nội chính, tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế:

- Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, trong đó xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên đảm bảo chất lượng; hoàn thành kế hoạch tuyển quân hàng năm; thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, xây dựng huyện là khu vực phòng thủ vững chắc, các xã, thị trấn là cơ sở an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu.

- Tiếp tục giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện; thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống tội phạm; đảm bảo an toàn giao thông; phòng chống cháy, nổ; tăng cường xây dựng, củng cố các mô hình tổ chức tự quản về an ninh trật tự; nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, xây dựng khu dân cư đạt tiêu chí an toàn về an ninh trật tự.

- Thực hiện nâng cao chất lượng hoạt động công tác cải cách tư pháp. Đảm bảo các cơ quan tư pháp thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và tư vấn pháp luật cho công dân. Thực hiện tốt Quy định của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân. Xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra khiếu kiện phức tạp; nâng cao trách nhiệm, hiệu quả công tác thanh tra, tiếp công dân. Tích cực phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, tham nhũng, lợi ích nhóm; ngăn chặn tình trạng chạy chức, chạy quyền, chạy dự án, không minh bạch trong đấu thầu.

Trên đây là nội dung báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Chương trình hành động số 16-CTr/TU, ngày 19/7/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới của Huyện ủy Krông Nô./.

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy (b/c),
- Các ban, VP Tỉnh ủy,
- TT Huyện ủy,
- UBND huyện,
- Các Ban, VP, TTBDCT,
- Mặt trận, các đoàn thể,
- Các đồng chí HUV,
- Các TCCS đảng,
- Lưu: VT.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

PHỤ BIỂU MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU

Kèm theo báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện chương trình hành động số 16/CTr/TU, ngày 19/7/2017 của Ban thường vụ tỉnh Ủy

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	Ước thực hiện năm 2022	Luỹ kế thực hiện 2017 - 2022	So sánh tăng trưởng 2022 so với năm 2017(%)
I	Chỉ tiêu về kinh tế									
1	Giá trị sản xuất (giá hiện hành)	Tỷ đồng	6.545,4	7.906,70	8.562,65	8.957,90	10.398,00	10.779,00	53.149,65	164,68
	Trong đó								-	
	- Nông, lâm, ngư nghiệp	Tỷ đồng	3.611,5	4.512,30	4.586,10	4.356,90	5.255,00	5.231,00	27.552,80	144,84
	- Công nghiệp, xây dựng	Tỷ đồng	1.343,1	1.485,10	1.810,55	2.001,00	2.271,00	2.563,00	11.473,75	190,83
	Trong đó: Công nghiệp	Tỷ đồng	790,0	863,00	1.176,00	1.200,00	1.297,00	1.495,20	6.821,20	189,27
	- Thương mại - dịch vụ	Tỷ đồng	1.590,8	1.909,30	2.166,00	2.600,00	2.872,00	2.985,00	14.123,10	187,64
	<i>Cơ cấu tổng giá trị gia tăng theo ngành kinh tế (giá trị HH)</i>								-	
	- Nông, lâm, ngư nghiệp	%	55,2	57,1	53,6	48,6	50,5	48,5		
	- Công nghiệp, xây dựng	%	20,5	18,8	21,1	22,3	21,8	23,8		
	- Thương mại - dịch vụ	%	24,3	24,1	25,3	29,0	27,6	27,7		
2	Tổng mức hàng hoá bán lẻ trên địa bàn	Tỷ đồng	1.501,3	1.833,8	2.066,0	2.280,0	2.592,0	2.994,8	13.267,9	199,48
3	Chỉ tiêu về nông nghiệp									
	- Tổng diện tích gieo	1.000ha	51,825	62,377	63,371	62,728	62,611	62,352		120,31
	- Tổng diện tích chủ động tưới	1.000ha	18,972	19,107	19,727	19,727	19,877	20,44		107,74
	Giá trị sản xuất /ha canh	Triệu đồng	66	75,11	76,5	67,2	86	87		131,82
	- Nguồn nước đáp ứng nhu cầu diện tích cây trồng cần tưới	%	63	64	66,7	68	70	72		

4	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	39,876	43,25	46,21	49,84	51,75	54,37		136,35
5	Thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	119,257	122,566	111,981	93,17	147,979	136,2	731,15	114,21
6	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	406,426	487,786	527,01	624,76	519,386	477,002	3.042,37	117,37
7	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn		126,805	153,991	146,696	156,707	65,855	194,88	844,93	
	Trong đó: - Tỉnh quản lý	Tỷ đồng	53,876	54,67	66,265	53,893	51,448	90	370,152	
	- Địa phương quản lý	Tỷ đồng	72,929	99,321	80,431	102,814	14,407	104,88	474,782	
8	Phát triển cơ sở hạ tầng									
	- Vận động nhân dân phân đầu BT hoá đường	km	40	12	30	15	17	15	129	
	- Nhựa hoá đường huyện phấu đầu	km	12,2	5	6	11	7,8	6	48	
9	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	ha	2.950	500	500	272,15	212,76	250	4.685	